TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công A
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê H
2. Ông Nguyễn Hồng H

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim L, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Thuỳ B, sinh năm 1995
Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Thành B, huyện G, tỉnh Đ.
- *Bị đơn:* Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980
Địa chỉ: Tổ 66, khóm S, Phường X, thành phố C, tỉnh Đ.
Trần Thị Thuỳ B có mặt; Nguyễn Văn Q vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Trần Thị Thuỳ B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Chị B và anh Q kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Sa Rài, huyện G, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 4, ngày 12/02/2016. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và cãi vã nhau nhiều lần và đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân không hàn gắn lại tình cảm. Từ năm 2018, anh Q bỏ địa phương đi biệt tích không rõ tung tích ở đâu, chị B nhiều lần đi tìm nhưng không gặp, sau đó chị B làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân thành phố C giải quyết tuyên bố mất tích đối với anh Q. Toà án nhân dân thành phố C đã giải quyết theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 02/2024/QĐST – DS, ngày 22/4/2024 đối với anh Nguyễn Văn Q. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Y, sinh ngày 31/01/2018, hiện đang sống với chị B, chị B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Anh Nguyễn Văn Q:* Không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án.

Tại phiên toà, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do anh Nguyễn Văn Q vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Q kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 4, ngày 12/02/2016 của Uỷ ban nhân dân thị trấn Sa Rài, huyện G, tỉnh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và cãi vã nhau nhiều lần và đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay, thời gian ly thân không hàn gắn lại tình cảm. Từ năm 2018, anh Q bỏ địa phương đi biệt tích không rõ tung tích ở đâu. Toà án nhân dân thành phố C đã giải quyết theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 02/2024/QĐST – DS, ngày 22/4/2024 đối với anh Nguyễn Văn Q. Anh Nguyễn Văn Q không có văn bản ý kiến về quan hệ hôn nhân nộp (gửi) cho tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân – Gia đình, chấp nhận yêu cầu chị Trần Thị Thùy B ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Y, sinh ngày 31/01/2018, hiện đang sống với chị B.

Từ khi chị B và anh Q ly thân đến nay, con chung sống chung với chị B, chị B yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Anh Q không có văn bản ý kiến về việc nuôi con chung nộp (gửi) cho tòa án. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần và ổn định nơi ở của con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị B được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, do dó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B trình bày không có, anh Q không có văn bản ý kiến về tài sản chung và nợ chung nộp (gửi) cho tòa án, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị B phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bYờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bYờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thùy B ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Y, sinh ngày 31/01/2018, hiện đang sống với chị B. Chị B được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, do dó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B trình bày không có, anh Q không có văn bản ý kiến về tài sản chung và nợ chung nộp (gửi) cho tòa án, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thùy B phải án phí chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009896, ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.